

TẬP TRUNG ĐỔI MỚI ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC THỂ DỤC THỂ THAO

Trương Anh Tuấn⁽¹⁾

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: 21/06/2025

Ngày phản biện: 18/07/2025

Ngày đăng: 25/08/2025

Tác giả liên hệ:

Trương Anh Tuấn

Email: tuanbtg@gmail.com

Tập 15, số 4 (2025), trang 6-9

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes13902>

Bản quyền © 2025. Bài báo này là công bố Truy cập Mở (Open Access) và được phân phối theo các điều khoản của Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Article Information:

Received: 21/06/2025

Review date: 18/07/2025

Published: 25/08/2025

Corresponding Author:

Trương Anh Tuấn

Email: tuanbtg@gmail.com

Vol 15, Iss 4 (2025), pp 6-9

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes13902>

Copyright © 2025. This is an Open Access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Đào tạo nguồn nhân lực thể dục thể thao (TĐTT) là một lĩnh vực đào tạo quan trọng nhằm góp phần chăm sóc sức khỏe, thể lực và nâng cao chất lượng sống của nhân dân, góp phần tích cực chuẩn bị nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Theo kết quả Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024, dân số Việt Nam thời điểm 1/4/2024 là 101.112.656 người. Việt Nam là quốc gia đông dân thứ ba trong khu vực Đông Nam Á và thứ 16 trên thế giới. Việt Nam vẫn đang trong thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” với hai người trong độ tuổi lao động thì có một người phụ thuộc. Trong đó, tỷ trọng dân số từ 15-64 tuổi chiếm 67.4%, dưới 15 tuổi chiếm 23/3% và từ 65 tuổi trở lên chiếm 9.3% [3]. Thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2024 đạt 5,4 triệu đồng, tăng 9.1% so với năm 2023 [2]. Ước tính đến năm 2025, dân số Việt Nam đạt 101,7 triệu người, GDP bình quân đầu người lên khoảng 5.000USD [4]. Điều kiện sống được cải thiện, quá trình hội nhập quốc tế về văn hóa nói chung và văn hóa thể chất nói riêng đã tác động mạnh mẽ đến nhận thức, hứng thú và nhu cầu tập luyện TĐTT nhằm nâng cao sức khỏe, thể lực và nâng cao chất lượng sống của nhân dân. Nhu cầu này ngày càng cao, càng đa dạng và phong phú. Nhiều nội dung, hình thức rèn luyện thân thể mới được tiếp thu và phát triển nhanh chóng như: các hình thức và phương pháp dưỡng sinh

(khí công, yoga, các bài quyền dưỡng sinh...), chạy tự do (Free Running, Parkour), tập luyện sức mạnh bằng cách khắc phục trọng lượng cơ thể (Bodyweight Training), du lịch kết hợp với các môn thể thao mạo hiểm (như: Marathon, Ô tô địa hình, Dù lượn, Chèo thuyền...), các môn TĐTT giải trí như Võ đạo giải trí, Esport..., các trò chơi thể thao như Bóng đá nghệ thuật, nhào lộn trên đường phố... Các hình thức tổ chức tập luyện và thi đấu TĐTT quần chúng cũng phát triển nhanh, đa dạng với các hình thức dịch vụ có sở hữu khác nhau ngày càng thu hút người tập, nhất là thanh thiếu niên.

Bên cạnh đó, một số lĩnh vực khác như: Truyền thông TĐTT, Tổ chức biểu diễn nghệ thuật kết hợp với TĐTT, Kinh tế TĐTT, Du lịch kết hợp với các hoạt động TĐTT... còn rất thiếu, thậm chí chưa có nhân lực được đào tạo về TĐTT. Đáng tiếc, hiện nay hầu như các trường Đại học TĐTT còn chưa quan tâm nghiên cứu và chưa có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của các lĩnh vực và các đối tượng tập luyện nói trên.

Việc sáp nhập các tỉnh và tinh giản bộ máy hành chính là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm cải cách tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới. Đối với ngành TĐTT, sáp nhập các tỉnh và tinh giản bộ máy hành chính vừa mang lại thời cơ và thuận lợi

⁽¹⁾TS, Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh

cho TĐTT vừa tạo nên những khó khăn, thách thức to lớn đối với sự nghiệp TĐTT nước ta, theo đó có các cơ sở đào tạo nhân lực TĐTT.

Cho đến nay hầu hết các cơ sở đào tạo nhân lực TĐTT ở nước ta lực lượng chính là 3 trường Đại học TĐTT (thuộc ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch); hai trường Đại học Sư phạm TĐTT và các khoa Giáo dục thể chất (thuộc các trường Đại học Sư phạm) chủ yếu đào tạo nguồn nhân lực TĐTT công với phương thức vận hành theo cơ chế bao cấp. Nhân lực TĐTT công có thể chia thành hai loại: công chức và viên chức. Hai loại nhân lực này đảm nhiệm những công việc khác nhau.

Công chức là những người thực thi chính sách và pháp luật TĐTT. Những người này không có quyền ban hành chính sách và pháp luật TĐTT, nhưng thiếu họ, chính sách pháp luật TĐTT không thể đi vào cuộc sống. Tức là khi chính sách nói chung và chính sách TĐTT đã được ban hành thì họ thực thi ngay và cần phải thực thi một cách hiệu quả nhất. Hoạt động có hiệu quả của đội ngũ công chức TĐTT sẽ bảo đảm cho chính sách, pháp luật TĐTT thật sự đi vào cuộc sống.

Nhân lực công thứ hai cũng rất quan trọng là viên chức TĐTT (các cán bộ khoa học TĐTT, cán bộ y sinh học TĐTT, phóng viên báo chí TĐTT, giáo viên TĐTT, huấn luyện viên, hướng dẫn viên TĐTT...), họ là những người giúp Nhà nước cung cấp dịch vụ TĐTT công cho người dân (các công trình TĐTT, cơ sở vật chất TĐTT như nhà tập, sân tập, nhà thi đấu, dụng cụ tập luyện TĐTT...) để phát triển sự nghiệp TĐTT và để bảo đảm công bằng xã hội trong hoạt động và hưởng thụ các giá trị TĐTT. Lực lượng viên chức TĐTT nhiều hay ít cũng tùy thuộc vào việc các dịch vụ do tư nhân cung cấp nhiều hơn hay Nhà nước cung cấp nhiều hơn.

Thực tiễn sáp nhập tỉnh và đổi mới tổ chức bộ máy hành chính nước ta cho thấy nhu cầu nguồn nhân lực công nói chung và nguồn nhân lực TĐTT công nói riêng ngày càng thu hẹp và yêu cầu về phẩm chất và năng lực đối với đội ngũ này ngày càng cao. Như vậy việc tìm kiếm công việc ở khu vực công của sinh viên TĐTT sau tốt nghiệp ngày càng khó khăn. Các công trình nghiên cứu gần đây về việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp ở các ngành nghề, trong đó

có Ngành TĐTT cũng cho thấy xu hướng trên, đồng thời các kết quả nghiên cứu cũng chỉ rõ một thực tế là đào tạo nguồn nhân lực hiện nay còn chưa đáp ứng nhu cầu xã hội nên số lượng sinh viên sau khi ra trường không tìm được việc làm có xu hướng ngày càng tăng, nguồn nhân lực TĐTT trong hiện tại và tương lai chủ yếu làm việc ở các khu vực dịch vụ ngoài Nhà nước và chịu sự chi phối của thị trường TĐTT.

Thị trường TĐTT nước ta, chủ yếu là thể thao chuyên nghiệp và các loại hình dịch vụ TĐTT với hình thức sở hữu đa dạng chắc chắn sẽ có sự chuyển đổi mạnh mẽ về cơ cấu, về số lượng và chất lượng. Thị trường TĐTT phát triển đa dạng và phong phú sẽ có sức hút mạnh mẽ nguồn nhân lực TĐTT kèm theo những yêu cầu và đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng nguồn nhân lực. Muốn trao đổi sản phẩm trên thị trường TĐTT đã hình thành và đang có xu hướng phát triển mạnh, các cơ sở đào tạo nhân lực TĐTT cần hiểu rõ thị trường và phải có năng lực đáp ứng nhu cầu TĐTT của xã hội. Nói một cách khác, nhà trường phải gắn nhiệm vụ đào tạo với thực tiễn thị trường TĐTT thông qua việc thường xuyên nghiên cứu, đổi mới đào tạo để đáp ứng các nhu cầu của thị trường TĐTT. Đây là một yêu cầu bức thiết từ thực tiễn sử dụng nguồn nhân lực nói chung và nhân lực TĐTT nói riêng của nước ta.

Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo đã xác định mục tiêu đến năm 2030:.. “Nâng tầm các cơ sở giáo dục đại học thực sự trở thành các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp của quốc gia và của các vùng. Mạng lưới cơ sở giáo dục đại học đóng vai trò nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của các vùng và địa phương, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu của các ngành, lĩnh vực trọng điểm...”[1].

Để thực hiện mục tiêu trên và đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực TĐTT có chất lượng cao trong thời kỳ phát triển mới của đất nước, theo chúng tôi, cần tập trung giải quyết một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, cần tập trung nghiên cứu thực tiễn TĐTT nước ta để đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo.

Cần phải gắn kết nhiệm vụ đào tạo, nghiên

cứu khoa học với thực tiễn TĐTT nước ta. Điều đó không chỉ là trách nhiệm phát triển sự nghiệp TĐTT mà còn là môi trường và điều kiện để nâng cao chất lượng đào tạo và nâng cao vị thế của các trường Đại học TĐTT. Trước hết cần tập trung nghiên cứu nhu cầu của thị trường TĐTT nước ta để đổi mới ngành nghề đào tạo và mục tiêu đào tạo. Kết quả nghiên cứu sẽ trả lời các câu hỏi sau: Nên duy trì các ngành đào tạo nào (hiện đang đào tạo 4 ngành học: Giáo dục thể chất, Huấn luyện thể thao, Quản lý TĐTT và Y học TĐTT)?; Nếu duy trì việc đào tạo ngành học cần đổi mới nội dung chương trình và phương thức đào tạo như thế nào?; Nên dừng đào tạo ngành học nào (hiện nay có ngành học mỗi khóa chỉ đào tạo trên dưới 20 sinh viên) ?; Nên mở ngành đào tạo mới hay điều chỉnh, bổ sung nội dung chương trình đào tạo?; Trong tương lai sẽ đào tạo ngành học nào?; Cần tập trung vào bậc đào tạo nào (cử nhân, thạc sĩ hay tiến sĩ)?; Mô hình nguồn nhân lực đào tạo TĐTT và mục tiêu đào tạo cần phải đạt được...

Trả lời các câu hỏi trên là cơ sở để xác định “đầu vào” và “đầu ra” của sản phẩm đào tạo và là cơ sở để xác định các hình thức và phương thức đào tạo.

Các trường Đại học TĐTT cần tích cực đổi mới hơn nữa tổ chức và hoạt động nghiên cứu khoa học. Trước hết cần tăng cường sự phối hợp giữa các trường Đại học TĐTT, giữa trường Đại học TĐTT với các tỉnh, thành phố, với các tổ chức xã hội TĐTT và xã hội nghề nghiệp TĐTT để tiến hành nghiên cứu những vấn đề thực tiễn TĐTT nước ta đặt ra như: Đào tạo nhân lực TĐTT chất lượng cao, kinh tế TĐTT, tổ chức và quản lý xã hội về TĐTT, Thể thao chuyên nghiệp, TĐTT cho mọi người...; Thu hút mọi nguồn lực từ Nhà nước và xã hội tham gia vào hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ TĐTT theo các hình thức linh hoạt, thiết thực tại các trường và các địa phương. Các trường Đại học TĐTT cần tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học và dịch vụ TĐTT trong quá trình đào tạo để có môi trường cho sinh viên học tập, nghiên cứu, thực tập, định hướng nghề nghiệp nhằm bồi dưỡng lòng yêu nghề, khơi dậy sự ham học hỏi, say mê nghiên cứu khoa học, lao động sáng tạo của người dạy và người học.

Hai là, cần tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.

Giảng viên là những người trực tiếp giảng dạy, giáo dục, hướng dẫn và truyền thụ kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm nghề nghiệp cho sinh viên. Không có thầy giỏi về năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức tốt thì không thể có nền giáo dục chất lượng. Hiện nay, khoa học phát triển nhanh chóng, mạnh mẽ, kiến thức của nhân loại ngày càng nhiều thì vai trò định hướng, dẫn dắt, giáo dục của người thầy đối với học trò lại càng có ý nghĩa quyết định chất lượng giáo dục, đào tạo. Bởi vậy, xây dựng được đội ngũ giảng viên có đủ phẩm chất và năng lực là yếu tố then chốt quyết định sự thành công của giáo dục và đào tạo.

Trong những năm qua đội ngũ giảng viên của các trường Đại học TĐTT được quan tâm bồi dưỡng, nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn. Số lượng giảng viên có trình độ đào tạo bậc thạc sĩ, tiến sĩ, có học hàm PGS, GS tăng lên rõ rệt, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Tuy nhiên thực tiễn cũng cho thấy, không ít người chỉ tập trung vào mục tiêu “bằng cấp” mà chưa quan tâm đầy đủ đến việc nâng cao tri thức và năng lực nghề nghiệp, giữa bằng cấp đào tạo và năng lực nghề nghiệp của họ còn rất bất cập. Do vậy có thể nói nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên trước hết cần nâng cao nhận thức và hành động của từng giảng viên và cần hướng vào mục tiêu nâng cao tri thức, đạo đức và năng lực nghề nghiệp. Tấm gương sáng về nhân cách, về lòng ham học, tinh thần tự học, đam mê nghiên cứu khoa học... của người thầy sẽ truyền cho sinh viên ngọn lửa đam mê nghiên cứu khoa học và tinh thần học tập suốt đời.

Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên cần gắn với việc rà soát, xếp sắp, tổ chức đội ngũ này một cách khoa học nhằm phát huy tinh thần trách nhiệm, phát huy năng lực sáng tạo và phát huy sở trường của mỗi cá nhân.

Ba là, gắn kết đào tạo với hoạt động thực tiễn TĐTT.

Theo nhiều chuyên gia giáo dục, hiện nay đào tạo đại học nước ta còn nặng về lý thuyết, “học chưa đi đôi với hành” nhất là việc tổ chức hoạt động thực tập nghề nghiệp của sinh viên đại học nước ta còn nhiều hạn chế, yếu kém, chưa được nhà trường, giảng viên và sinh viên

nhận thức đúng và đầy đủ. Việc học không đi đôi với hành, học một đằng thực tập một nẻo không thể đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao. Sinh viên ra trường không có kinh nghiệm thực tiễn mà chỉ có lý thuyết rất khó thích ứng với thực tiễn TDDT đa dạng và phong phú, do vậy rất khó tìm kiếm việc làm và bắt kịp sự phát triển của TDDT.

Thực tập là cơ hội rèn nghề, củng cố và phát triển lòng yêu nghề nghiệp cũng như tìm kiếm cơ hội việc làm trong tương lai của sinh viên. Kết quả thực tập không chỉ giúp sinh viên đánh giá đúng năng lực của họ, giúp họ thấy rõ cần phải học gì và làm việc như thế nào mà còn giúp nhà trường nhận thức đúng sản phẩm đào tạo và nhu cầu sử dụng nhân lực của xã hội.

Như vậy, nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực TDDT của xã hội cần được nghiên cứu đổi mới theo hướng “học đi đôi với hành”, cần đẩy mạnh thực hành, thực tế trong suốt quá trình học tập của sinh viên. Nhà trường cần tạo điều kiện cho sinh viên làm quen và rèn luyện nghề nghiệp ngay trong quá trình học tập tại trường thông qua các hoạt động ngoại khóa để làm quen và học tập các môn thể thao, các loại hình TDDT mới; tham gia tổ chức các cuộc thi đấu, trọng tài với quy mô và yêu cầu phù hợp. Cần làm cho giảng viên và sinh viên nhận thức đúng và đầy đủ về tầm quan trọng và giá trị thực tiễn của hoạt động thực tập. Cần lựa chọn và bố trí những giảng viên có trình độ và giàu kinh nghiệm thực tiễn hướng dẫn và chỉ đạo hoạt động thực tập của sinh viên. Chủ động phối hợp, liên kết và gắn bó với các tổ chức nhà nước và tổ chức xã hội về TDDT, với các doanh nghiệp, các cơ sở dịch vụ TDDT ở Trung ương và địa phương, các tổ chức TDDT ở cơ sở để các tổ chức này tham gia hỗ trợ hoạt động thực tập nghề nghiệp của sinh viên, phối hợp đào tạo theo kế hoạch chặt chẽ để triển khai thực hiện hiệu quả, kiểm tra, đánh giá kết quả thực tập nghiêm túc và chính xác.

Bốn là, quan tâm giáo dục lòng yêu nghề nghiệp

Lòng yêu nghề tạo nên khát vọng tìm kiếm các biện pháp nâng cao chất lượng giảng dạy của người thầy và thúc đẩy sự nỗ lực, sáng tạo trong học tập, rèn luyện của người học. Phải có lòng yêu nghề mới có động lực thật sự để nâng

cao năng lực chuyên môn. Nếu không có tình yêu nghề thực sự, sẽ không bao giờ thành công vì chỉ có lòng yêu nghề mới giúp mỗi người bước qua những khó khăn, chinh phục mọi thử thách và đạt được những thành công không thể ngờ tới. Không có lòng yêu nghề thì không có thầy giỏi, thầy tốt. Không có thầy tốt, thầy giỏi thì không có học trò giỏi, học trò tốt. Người thầy tốt, tận tâm với nghề là tấm gương để học trò học tập, phấn đấu noi theo. Như vậy, lòng yêu nghề của người thầy là yếu tố đặc biệt quan trọng quyết định chất lượng giáo dục. Nhà trường, trước hết là các thầy, cô giáo cần phải thắp sáng ngọn lửa tình yêu nghề nghiệp từ trái tim mình và truyền ngọn lửa ấy đến người học thông qua trí tuệ, năng lực chuyên môn, tình cảm, và sự tận tụy trong từng giờ học và trong suốt quá trình đào tạo.

Tích cực đổi mới phương thức đào tạo thông qua các hoạt động nghiên cứu nhu cầu của thị trường TDDT; Thông qua sự phối hợp nghiên cứu, chuyển giao công nghệ TDDT, thu hút nguồn lực xã hội tham gia vào quá trình bồi dưỡng nhân lực TDDT theo các hình thức mềm dẻo và thiết thực tại trường và liên kết với các địa phương; Thu hút và đăng cai tổ chức các giải thi đấu thể thao, huấn luyện thể thao; Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học và dịch vụ TDDT trong quá trình đào tạo để có môi trường cho sinh viên học tập, nghiên cứu, thực tập, định hướng nghề nghiệp và bồi dưỡng lòng yêu nghề; khơi dậy sự ham học hỏi, lòng say mê và lao động sáng tạo của người dạy và người học. Những điều đó chính là những việc cần làm ngay để nâng cao chất lượng sản phẩm đào tạo, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp TDDT nước ta./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
2. Cục Thống kê (2024), *Thông cáo báo chí kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2024*.
3. Tổng cục Thống kê (2024), *Kết quả Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
4. <https://laodong.vn/thoi-su/du-kien-nam-2025-kinh-te-viet-nam-vuot-qua-muc-thu-nhap-trung-binh-thap-1549945.ldo>.

1. Ban biên tập

Thế dục thể thao trong tiến trình đổi mới đất nước

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

4. Trương Quốc Uyên

Vai trò của Bác Hồ về sự hình thành và phát triển nền thể dục thể thao cách mạng Việt Nam

6. Trương Anh Tuấn

Tập trung đổi mới đào tạo nguồn nhân lực thể dục thể thao

BÀI BÁO KHOA HỌC

10. Nguyễn Văn Phúc

Đề xuất mô hình giảm thiểu rủi ro bệnh dịch trong hoạt động thể dục thể thao ở Việt Nam

14. Trần Thủy

Thực trạng hạ tầng kỹ thuật và định hướng phát triển du lịch thể thao tại Quảng Bình

20. Mai Thị Bích Ngọc; Phạm Văn Thắng

Thực trạng hiệu quả truyền thông thương hiệu Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh trên các kênh mạng xã hội

25. Đặng Văn Dũng; Khuất Thị Hương; Phùng Thế Lập

Đánh giá hiệu quả chuẩn bị khai cuộc cho sinh viên chuyên ngành Cờ vua Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

30. Trương Thị Ngọc Hà

Thực trạng chương trình rèn luyện thể lực trong thể dục sáng và thể thao chiều cho học viên nữ các trường trực thuộc Bộ Quốc phòng, khu vực phía Bắc

36. Nguyễn Xuân Hoàng

Đề xuất biện pháp nâng cao hứng thú học tập môn chuyên ngành cho sinh viên Golf Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

41. Nguyễn Thị Thu Trang

Nghiên cứu lựa chọn trò chơi vận động nhằm nâng cao thể lực và kết quả học tập cho sinh viên ngành Dược học năm thứ nhất Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

47. Trương Đức Thăng; Nguyễn Thị Việt Nga

Lựa chọn các biện pháp hồi phục sau tập luyện cho VĐV đội tuyển trẻ Quốc gia Việt Nam các môn Cầu mây, Cầu lông, Điền kinh và Bắn súng tại Trung tâm Đào tạo vận động viên, Trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh

52. Trần Thị Hồng Việt

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể lực chuyên môn của nam vận động viên Bóng bàn lứa tuổi 14-15

57. Huỳnh Việt Nam; Phạm Tuấn Hùng

Biên độ chuyển động khớp chi dưới của vận động viên Futsal trình độ cao Việt Nam: một nghiên cứu sơ bộ

62. Trần Trọng Thân; Đoàn Hùng Tráng; Thái Chí Linh

Biện pháp huấn luyện tâm lý thi đấu cho vận động viên đội tuyển Cầu lông Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

67. Nguyễn Khánh Duy; Trần Công Lưu; Hà Văn Toán

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ tập luyện cho nam vận động viên Karate 12-14 tuổi Trường Phổ thông năng khiếu thể thao Đồng Nai

72. Nguyễn Thị Thu Quyết; Phạm Việt Hùng; Nguyễn Tất Dũng

Chất lượng công tác tuyển chọn vận động viên môn Bơi lội tại Đội tuyển trẻ và Đội tuyển Quốc gia Việt Nam

TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT

77. Phạm Tuấn Dũng; Phạm Việt Hà

Bài tập nhóm cơ bụng

80. Thẻ lệ viết và gửi bài.

1. Editorial board

Physical Education and Sports in the process of National Renovation

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

4. Truong Quoc Uyen

The role of President Ho Chi Minh in the formation and development of revolutionary sports in Vietnam

6. Truong Anh Tuan

Focusing on innovation in human resource training for Physical Education and sports

ARTICLES

10. Nguyen Van Phuc

Proposed model for minimizing epidemic risks in physical education and sports activities in Vietnam

14. Tran Thuy

The current state of technical infrastructure and development orientation for sports tourism in Quang Binh

20. Mai Thi Bich Ngoc; Pham Van Thang

The current effectiveness of brand communication of Bac Ninh Sports University on social media platforms

25. Dang Van Dung; Khuat Thi Huong; Phung The Lap

Effectiveness evaluation of the opening moves for chess major students at Bac Ninh Sports University

30. Truong Thi Ngoc Ha

The current situation of physical training programs in morning and afternoon exercise for female learners at military schools under the Ministry of National Defense in the Northern region

36. Nguyen Xuan Huong

Proposed measures to enhance learning interest in specialized courses for golf students at Bac Ninh Sports University

41. Nguyen Thi Thu Trang

A study on selecting movement games to improve physical fitness and academic results in physical education for first-year pharmacy students at the Vietnam University of Traditional Medicine

47. Truong Duc Thang; Nguyen Thi Viet Nga

Selecting recovery measures after training for athletes in the Vietnamese National Youth team in sepak takraw, badminton, athletics, and shooting at the Athlete Training Center, Bac Ninh Sports University

52. Tran Thi Hong Viet

The current situation of factors affecting the development of specialized physical fitness in male table tennis athletes aged 14–15

57. Huynh Viet Nam; Pham Tuan Hung

Motion range of lower limb joints of high-skilled Vietnamese futsal athletes: A preliminary study

62. Tran Trong Than; Doan Huòng Trang; Thai Chi Linh

Psychological training measures for athletes in badminton team at the University of Economics – Technical Industries

67. Nguyen Khanh Duy; Tran Cong Luu; Ha Van Toan

Development an evaluation standards for evaluating training level for male karate athletes aged 12–14 at Dong Nai Gifted High School for Sports

72. Nguyen Thi Thu Quyet; Pham Viet Hung; Nguyen Tat Dung

Quality of athlete selection in swimming for the Youth and Vietnam National Sports Team

NEWS - EVENTS AND PEOPLE

77. Pham Tuan Dung; Pham Viet Ha Abdominal muscle exercises

80. Rules of writing and posting.



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

ISSN 1859-4417

Tập 15

Số 4 - 2025

